

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 210/TTr-SKHCN ngày 08 tháng 9 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.

1. Điều chỉnh tên Chiến lược, tên và số thứ tự một số phụ lục, như sau:

a) Thay cụm từ **“Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030”** tại tên Quyết định, Điều 1 của Quyết định số 1539/QĐ-UBND và tên Chiến lược ban hành kèm theo bằng cụm từ **“Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”**.

b) Sửa tên Phụ lục I ban hành kèm theo Chiến lược thành **“Danh mục các mục tiêu chủ yếu đến năm 2030”**.

c) Chuyển Phụ lục II ban hành kèm theo Chiến lược thành Phụ lục III; các nội dung dẫn chiếu đến Phụ lục II của Chiến lược tại Quyết định số 1539/QĐ-UBND và Chiến lược ban hành kèm theo được sửa thành dẫn chiếu đến Phụ lục III.

2. Điều chỉnh căn cứ xây dựng Chiến lược, như sau:

Tại đoạn thứ nhất khoản 2 Mục I: Thay thế căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bằng căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

3. Điều chỉnh, bổ sung Mục III, như sau:

“III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

1. Tầm nhìn đến năm 2030

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực và không gian phát triển mới; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, có thu nhập trung bình cao trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả và bền vững. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; thực hiện đột phá về xây dựng hạ tầng số hiện đại; phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chính quyền số của tỉnh hoạt động hoàn toàn trên môi trường số, được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi với chất lượng, tính minh bạch và hiệu quả cao. Kinh tế số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GRDP của tỉnh; xã hội số được hình thành rộng khắp, người dân làm chủ công nghệ, tích cực tham gia đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Hệ sinh thái số của tỉnh phát triển đồng bộ, lấy dữ liệu làm nền tảng, hạ tầng số làm trọng tâm, nhân lực số làm then chốt, hướng tới xây dựng Tuyên Quang trở thành tỉnh thông minh, chính quyền kiến tạo, xã hội kết nối, công dân số toàn diện.

2. Định hướng đến năm 2045

Đến năm 2045, Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển bền vững dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu và chuyển đổi số; chuyển đổi số được triển khai toàn diện, đồng bộ, sâu rộng và bao trùm, trở thành phương thức phát triển chủ đạo và động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Chính quyền số hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, quản trị dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu; xã hội số phát triển an toàn, nhân văn, bao trùm; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là đối tượng thụ hưởng của quá trình chuyển đổi số.

Hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số của tỉnh được phát triển theo hướng hiện đại, xanh, an toàn, có năng lực dự phòng và phục hồi sau sự cố; kết nối đồng bộ với hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu quốc gia. Dữ liệu được quản trị, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng và khai thác hiệu quả; trí tuệ nhân tạo được ứng dụng sâu rộng trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm. Khoảng cách số giữa khu vực trung tâm với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thu hẹp căn bản; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.”

4. Điều chỉnh, bổ sung Mục IV, như sau:

a) Sửa tên khoản 2 thành “2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030”.

b) Điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030 theo **Phụ lục I** ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2, như sau:

“3. Mục tiêu đến năm 2045

Các mục tiêu chủ yếu đến năm 2045 và phân công cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá được xác định tại **Phụ lục II** của Chiến lược.”

5. Bổ sung khoản 10 vào Mục VI, như sau:

“10. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động tham gia các chương trình, sáng kiến và khuôn khổ hợp tác quốc tế về chuyển đổi số theo phân công, hướng dẫn của cơ quan Trung ương và phù hợp thẩm quyền của tỉnh; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin mạng, nguồn nhân lực số và kinh tế số; bảo đảm hoạt động hợp tác thiết thực, hiệu quả, phù hợp đường lối đối ngoại và quy định của pháp luật.”

6. Bổ sung **Phụ lục II** “Danh mục các mục tiêu chủ yếu đến năm 2045” vào Chiến lược theo **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III, như sau:

a) Thay cụm từ “Tổng số: 72 nhiệm vụ” bằng cụm từ “Tổng số: 77 nhiệm vụ”.

b) Thay cụm từ “HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ (08 nhiệm vụ)” bằng cụm từ “HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ (09 nhiệm vụ)”; thay cụm từ “PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ (07 nhiệm vụ)” bằng cụm từ “PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ (08 nhiệm vụ)”; thay cụm từ “PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ (06 nhiệm vụ)” bằng cụm từ “PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ (08 nhiệm vụ)”; bổ sung Mục X “TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ” gồm 01 nhiệm vụ vào sau Mục IX.

c) Bổ sung 05 nhiệm vụ theo **Phụ lục III** ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Như khoản 2 Điều 2;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KH&CĐS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Hùng Đức

Phụ lục I
DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
II	Phát triển nguồn lực				
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng triển khai có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ.	-	100%	Sở Nội vụ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 11 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	-	100%	Sở Nội vụ	Mục tiêu sửa đổi, bổ sung (Cụ thể hóa mục tiêu số 9 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
9a	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.	-	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 10 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
10a	Số lượt người trong độ tuổi lao động được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản.	-	Tối thiểu 200.000 lượt người trong độ tuổi lao động	Sở Nội vụ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 24 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
III	Phát triển chuyển đổi số				
12	Quy mô kinh tế số trong GRDP	-	20%	Sở Khoa học và Công nghệ; Thống kê tỉnh	Mục tiêu sửa đổi, bổ sung (Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030)
20	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được số hóa, chuẩn hóa, kết nối, liên thông, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.	-	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Mục tiêu sửa đổi, bổ sung (Cụ thể hóa mục tiêu số 5 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
28	Tỷ lệ trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.	-	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 6 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
29	Tỷ lệ số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê đủ điều kiện được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.	-	70%	Thống kê tỉnh	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 8 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
30	Tham gia khai thác, cung cấp dữ liệu trên các sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động, bảo đảm an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật.	-	Có tham gia	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 15 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
31	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	-	99%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 2 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
32	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.	-	100%	Sở Nội vụ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 7 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
33	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sản phẩm thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.	-	45%	Sở Công Thương	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 17 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
34	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.	-	>40%	Sở Khoa học và Công nghệ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 19 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
35	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	-	≥95%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 4	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 21 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
36	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử.	-	100%	Sở Y tế	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 23 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Mục tiêu đến năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
1	Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 40%; kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của kinh tế tỉnh.	1. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối chủ trì theo dõi, đánh giá. 2. Sở Tài chính, Thống kê tỉnh là đầu mối thống kê.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phụ lục III
DANH MỤC BỔ SUNG MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ					
9	Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới, bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh và quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Báo cáo rà soát, đề xuất; kế hoạch hoặc văn bản triển khai theo thẩm quyền	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 14 Mục II Phụ lục II Kế hoạch số 63/KH-UBND)
VIII	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ					
8	Phát huy vai trò của cơ quan nhà nước trong tạo lập thị trường cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước; rà soát, đề xuất và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền các hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm, thuê dịch vụ đối với sản phẩm, dịch vụ số Make in Viet Nam, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch, văn bản triển khai; sản phẩm, dịch vụ số trong nước được xem xét, lựa chọn, sử dụng theo quy định	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 1 Mục III và nhiệm vụ số 6 Mục VI Phụ lục II Kế hoạch số 63/KH-UBND)
IX	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ					
7	Phát triển ứng dụng công dân số của tỉnh, tích hợp các tiện ích của địa phương, kết nối tới VNeID thông qua dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo hướng dẫn của Bộ Công an.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Ứng dụng công dân số của tỉnh được hình thành, phát triển, tích hợp tiện ích và kết nối với VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 41 Phụ lục II Quyết định số 1266/QĐ-TTg)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
8	Đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các Tổ công nghệ số cộng đồng; theo dõi, đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 22/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở được duy trì, hoạt động thường xuyên; chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định	Nhiệm vụ bổ sung mới (<i>Cụ thể hóa nhiệm vụ số 44 Phụ lục II Quyết định số 1266/QĐ-TTg</i>)
X	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ					
1	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phân công của cơ quan Trung ương, chủ động tham gia thực hiện các chương trình, sáng kiến, tiêu chuẩn, quy chuẩn và khuôn khổ hợp tác quốc tế về hạ tầng số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin mạng, định danh số, chữ ký số, thanh toán số và kinh tế số; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện của tỉnh.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Công an tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch hoặc văn bản triển khai; báo cáo kết quả tham gia	Nhiệm vụ bổ sung mới; thực hiện theo phân công và thẩm quyền (<i>Cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Mục VII Phụ lục II Kế hoạch số 63/KH-UBND</i>)